

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Trung Hiếu

2. Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị D, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị D: Ông Nông Đức T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Y (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phùng Tồn S, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đặng Thị D trình bày: Tôi và anh Phùng Tồn S tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 07/2012. Đến ngày 20/6/2017 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết

cho tôi được ly hôn anh S.

Về con chung: Có 02 cháu: Phùng Kim Đ sinh ngày 01/3/2013; Phùng Thúy P sinh ngày 23/5/2014. Hiện nay hai con đang ở cùng anh S và gia đình anh S. Khi ly tôi đồng ý anh S nuôi cả hai con và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Phùng Tồn S trình bày: Tôi và chị Đặng Thị D tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 07/2012. Đến ngày 20/6/2017 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị D điện thoại cho ai sau đó tôi bức tức có nói vài câu và chị D giận dữ. Đến tháng 6/2024 chị D bỏ nhà đi và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị D xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu: Phùng Kim Đ sinh ngày 01/3/2013; Phùng Thúy P sinh ngày 23/5/2014. Nếu phải ly hôn về con chung tôi nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh S vắng mặt nên Toà án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị D đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị D được ly hôn anh Phùng Tồn S.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Phùng Kim Đ sinh ngày 01/3/2013; Phùng Thúy P sinh ngày 23/5/2014 cho anh Phùng Tồn S nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh S đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đặng Thị D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị D được ly hôn anh Phùng Tồn S.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Phùng Kim Đ sinh ngày 01/3/2013; Phùng Thúy P sinh ngày 23/5/2014 cho anh Phùng Tồn S nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh S đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D và anh Phùng Tồn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 20 tháng 6 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh S đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị D cho rằng do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Còn anh S cho rằng do chị D diện thoại cho ai sau đó anh S bức tức có nói vài câu và chị D giận dỗi bỏ đi. Chị D và anh S cùng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị D xin ly hôn anh S là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị D tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả từ tháng 6/2024 cho đến nay. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị D được ly hôn anh S là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Phùng Kim Đ sinh ngày 01/3/2013; Phùng Thúy P sinh ngày 23/5/2014. Anh S khai rằng nếu phải ly hôn anh nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D đồng ý. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh S. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao hai cháu Phùng Kim Đ và cháu Phùng Thúy P cho anh S nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị D và anh S về nuôi con chung không trái với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh S đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị D là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị D được ly hôn anh Phùng Tồn S.

2. Về con chung: Có 02 cháu: Phùng Kim Đ sinh ngày 01/3/2013; Phùng Thúy P sinh ngày 23/5/2014.

Xử giao cháu Phùng Kim Đ và cháu Phùng Thúy P cho anh Phùng Tồn S trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Đặng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đặng thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- TGVPL.
- UBND xã C.
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng